

Số: 87 /2021/BC/TCKH

Lào Cai, ngày 27 tháng 2 năm 2021

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

- Kính thưa: - Chủ tịch HĐQT Công ty NEDI2;
- Các thành viên HĐQT là đại diện cho các cổ đông lớn;
- Các vị khách quý; Đại diện các ngân hàng tài trợ vốn;
- Các quý cổ đông Công ty;

Kính thưa toàn thể Đại hội

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI2) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021: Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với nội dung cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020.

I. Hoạt động sản xuất và vận hành của nhà máy thủy điện Ngòi Phát.

1. Điều kiện thủy văn và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất:

Điều kiện thủy văn và thời tiết năm nay tốt hơn một số năm trước (tốt hơn so với năm 2019;2015, tương đương năm 2016-2018) cùng kỳ; thủy văn thuận lợi hơn nên nhà máy đã vận hành vượt sản lượng theo kế hoạch...

Chỉ tiêu	Sản lượng KH 2020 (kwh)	Sản lượng thực hiện cùng kỳ 2019 (kwh)	Sản lượng thực hiện 2020 (kwh)	Tỷ lệ % TH/KH 2020
Sản lượng đầu cực	424.356.381	375.140.090	456.294.000	108%
Sản lượng thương phẩm	406.373.910	359.730.580	437.173.820	108%

2. Tình hình vận hành sản xuất:

- Nhà máy về cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất, hoàn thành vượt sản 108% sản lượng phát điện được giao; Vận hành an toàn - Tin cậy- liên tục đạt 110% công suất thiết kế khi có đủ nước. Công tác làm chủ công nghệ và vận hành đã đảm bảo được 98%.

- Số liệu vận hành thực tế năm 2020 tổng tổn hao đường dây và tự dùng là 4,2% (Tổng hao đường dây là 3.3%, tự dùng 0.9%).

- Năm 2020 có sự thay đổi tỷ lệ sản lượng điện tham gia TTĐ từ 20% trong năm 2019 xuống chỉ còn 10% trong năm nay (Theo Quyết định số 122/QĐ-ĐTĐL của Bộ công thương ký ngày 27/12/2019 quy định tạm thời cho các dự án thủy điện có hồ điều tiết dưới 2 ngày trong năm 2020 là tham gia 10% sản lượng), đồng thời giá điện TTĐ bình quân năm 2020 là 784,68 đồng/kwh (năm 2019 là 1.228,43 đ/kwh, thấp hơn 443,75 đ/kwh). Doanh thu TTĐ thực tế năm 2020 giảm 4.8 tỷ so với Doanh thu theo giá hợp đồng mua bán điện.

Nguyên nhân giá TTĐ giảm so với cùng kỳ năm 2019 như sau: Giá TTĐ cao hay thấp là căn cứ phần lớn vào Giá bán điện của nhà máy nhiệt điện (Năm 2020 thì Nhiệt điện chiếm 50% tổng công suất huy động toàn hệ thống, trong khi Thủy điện là 30,53% Tổng công suất). Do dịch Co.V 19 nên giá Dầu và Giá than nhập khẩu năm nay giảm gần 45% giá thành đầu vào (nhu cầu giảm

mạnh - cung cầu tăng) dẫn đến Giá bán điện của nhà máy nhiệt điện giảm; Đồng thời do diễn biến Thủy văn năm nay tăng đột biến (Các nhà máy điện mặt trời - gió vào nhiều) dẫn đến sản lượng điện huy động toàn hệ thống dư thừa nên giá bán điện của TTD mặc định suy giảm rất nhiều.

3. Công tác bảo trì sửa chữa:

- Tiến hành đại tu 02 tổ máy (H2 và H3); hệ thống thiết bị - đường dây 110KV - Xây dựng. Tháo nước hầm kết hợp đấu nối đường ống áp lực - Nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kv (Ngòi phát mở rộng).

- Công tác bảo trì thường xuyên, định kỳ, cải tiến và dần làm chủ công nghệ thiết bị. Bảo trì sửa chữa đạt 75% so với kế hoạch.

4. Công tác phòng chống lụt bão:

Tình hình mùa bão lũ ngày càng cực đoan, khắc nghiệt. Các công tác phòng chống lụt bão được kiện toàn nên công tác an toàn được duy trì an toàn tuyệt đối, không xảy ra mất an toàn cho con người và thiết bị. Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020.

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch sản xuất năm 2020	Kết quả SXKD năm 2019	Kết quả sản xuất năm 2020	Tỷ lệ hoàn thành/Kế hoạch năm 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	394,31	349,07	391,16	99%
2	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	126,99	111,58	125,86	99%
3	Lợi nhuận gộp (1-2)	Tỷ đồng	267,32	237,49	265,30	99%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	1,80	1,69	0,92	51%
5	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	106,72	111,27	105,27	99%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>106,72</i>	<i>111,18</i>	<i>104,15</i>	<i>98%</i>
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	23,44	24,14	21,07	90%
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh (3+4-5-6)	Tỷ đồng	138,96	103,77	139,88	101%
8	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,06	0,14	0,16	
9	Chi phí khác	Tỷ đồng	0,08	0,11	0,95	
10	Tổng LN trước thuế (7+8-9)	Tỷ đồng	138,94	103,80	139,09	100%
11	Chi phí thuế TNDN (5%)	Tỷ đồng	6,95	5,19	6,06	87%
12	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	131,99	98,61	133,03	101%
13	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	88	91	92,1	

Như vậy Công ty đã đạt mục tiêu kế hoạch lợi nhuận cả năm 2020 đã được ĐHCĐ giao.

2. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty:

Vào 6 tháng đầu năm hàng năm là vào mùa khô hạn nhất trong năm, đặc biệt vào quý 1 và 2 tháng đầu quý 2 là đỉnh điểm mùa khô hạn, do vậy kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm hàng năm cơ bản là thu vừa đủ bù chi. Quý 3 hàng năm là thời điểm Công ty đạt doanh thu và lợi nhuận lớn nhất trong năm, chiếm tỷ lệ 75,4% của cả năm. Do đặc thù ngành nghề có nguồn thu chênh lệch quá lớn giữa các quý trong năm nên Công ty luôn chủ động trích lập nguồn tài chính

dự phòng và vay bổ sung vốn lưu động để bù đắp thiếu hụt dòng tiền tại mọi thời điểm nhằm duy trì sự hoạt động liên tục của Công ty luôn ổn định và đảm bảo cân đối dòng tiền để phục vụ sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

- Tình hình trả nợ gốc vay (Đvt: tỷ đồng).

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Dư nợ gốc vay đầu năm	Tăng dư nợ gốc trong kỳ	Kế hoạch trả nợ gốc	Đã trả nợ gốc vay	Dư nợ gốc vay cuối kỳ	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6=(2+3-5)	7
1	BIDV	995,75				995,75	
2	VDB	79,30		79,30	79,30		
3	Vietcombank	75,87	47,12	4,17	10,59	112,40	
	Cộng	1.150,92	47,12	73,47	89,89	1.108,15	

- Tình hình trả nợ lãi vay (Đvt: tỷ đồng).

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Lãi vay phải trả	Đã trả nợ lãi vay	Ghi chú
1	BIDV	96,59	94,04	
2	VDB	3,34	3,32	
3	Vietcombank	5,99	7,12	
4	Vietinbank	0,67	0,67	
	Cộng	106,59	105,15	

- Tình hình dòng tiền cuối kỳ: Sau khi Công ty thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ tài chính với tất cả các tổ chức tín dụng, các khách hàng cung cấp dịch vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2020 thì số dư tiền thuần cuối kỳ còn 72,78 tỷ đồng. Như vậy tiếp tục đảm bảo dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định cho năm tiếp theo.

III. Công tác đầu tư các dự án

1. Dự án thủy điện Ngòi Phát Mở Rộng.

Trong quý I/2020 và đầu quý II/2020 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt do tác động ảnh hưởng từ đại dịch Covid -19 (các chuyên gia nước Ấn Độ không thể sang được Việt Nam), tuy nhiên Công ty đã nỗ lực, tìm mọi giải pháp để hoàn thành dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng đúng tiến độ, kịp thời đón nước phát điện trước mùa mưa, hòa lưới điện quốc gia vào ngày 25/04 lần đầu ở các chế độ, vận hành chạy thử thách 72h, vận hành 7 ngày liên tục. Ngày 29/04/2020 vừa qua, Nhà máy thủy điện NPMR đã chính thức phát điện thương mại, vận hành đảm bảo chất lượng, vận hành an toàn, tin cậy.

Hiện nay Công ty đã hoàn thành báo cáo Quyết toán dự án và HĐQT đã phê duyệt.
(Giá trị quyết toán: 179.271.457.625 đồng / Tổng mức : 176.160.890.000 đồng)

2. Các hạng mục khác:

Hiện nay Công ty đã hoàn thành các báo cáo Quyết toán dự án và đã đưa vào sử dụng của 3 hạng mục: Nhà ở CBNV nhà máy, Cải tạo đầu tư - nâng cấp đường dây 110kV, Thanh thải lòng sông và gia cố hạ lưu nhà máy Thủy điện Ngòi Phát.

3. Công tác tìm kiếm - phát triển dự án mới.

Công ty đang tiếp tục nghiên cứu và tìm kiếm các dự án mới: Dự án thủy điện Trà Khúc 2 tại Quảng Ngãi, Cụm 3 dự án thủy điện ở tỉnh Thanh Hóa, Lai Châu, dự án Phong điện Quảng Trị, các dự án tại Gia Lai... Hiện nay, mặc dù do ảnh hưởng của đại dịch Covid, rất nhiều ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế đang bị suy thoái trầm trọng nhưng riêng mảng năng lượng (là ngành sản xuất nền thiết yếu trong xã hội) cơ bản là miễn nhiễm, vẫn KD ổn định và có hiệu quả, vì vậy những khó khăn của một số Doanh nghiệp sau đại dịch (về tài chính, nguồn lực,...) sẽ là cơ hội tốt để chúng ta nắm bắt phát triển thông qua việc lựa chọn thuê/mua lại các dự án tốt để đầu tư tiếp theo.

4. Công tác tái cấu trúc Công ty:

- Cung cấp hồ sơ và phối hợp với Tổng công ty trong công tác bán một phần vốn của Tổng công ty cho đối tác Nhật Bản
- Ngày 18/12/2020 Đại hội đồng cổ đông bất thường đã thông qua việc tái cấu trúc Công ty với sự tham gia của đối tác Nhật vào thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

B. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021:

I. Mục tiêu cốt lõi của Công ty:

- Vận hành sản xuất an toàn, tin cậy, bền vững; tối ưu hóa tất cả các khâu sản xuất đảm bảo hiệu quả, nâng cao lợi nhuận cho cổ đông.
- Cắt giảm, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh tối đa, đặc biệt tối ưu chi phí quản lý theo nguyên tắc Đúng - Đủ - Trung thực - Minh Bạch và NET nhằm mục tiêu nâng cao giá trị và thương hiệu doanh nghiệp.

II. Tình hình sản xuất, vận hành và bảo trì sửa chữa nhà máy

1. Kế hoạch sản lượng:

Căn cứ tình hình diễn biến và dự báo thủy văn và chi phí hoạt động thực tế của Công ty trong thời gian 5 năm vừa qua, Công ty tính toán lập kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến như sau:

Chỉ tiêu	SL thực hiện cả năm 2020	KH sản lượng năm 2021	Ghi chú
Sản lượng thương phẩm	437.173.831	421.190.780	

2. Công tác vận hành sản xuất:

- Tiếp tục đảm bảo vận hành sản xuất an toàn, ổn định - tin cậy - liên tục tối ưu khi đủ nước về với công suất vận hành vượt 110% công suất thiết kế;
- Làm chủ hoàn toàn công nghệ, thiết bị của Nhà máy.
- Tiếp tục làm tốt công tác thị trường điện, tối ưu, quan hệ tốt các cấp EVN...

3. Kế hoạch bảo trì sửa chữa:

- Tiếp tục khắc phục xử lý các tồn tại khiếm khuyết tổ máy đặc biệt tổ máy H4 và tối ưu thiết bị công nghệ: cải tiến kỹ thuật thiết bị; Giảm tổn thất - Điện tự dùng.

- Công tác bảo trì, thường xuyên, trùng tu: tổ máy H1 quý 1 và tổ máy H2 vào quý 4.
- Công tác bảo trì công trình hồ đập - công trình phụ trợ Nhà máy trước và sau mùa mưa lũ.

III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và dự kiến dòng tiền năm 2021.

1. Dự kiến kế hoạch kết quả sản xuất như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Ghi chú
I	Dòng tiền bán điện và thu khác	447,68	451,86	441,61	
	<i>Giảm trừ các khoản thu hộ, chi hộ (Thuế TN, Phí DVMTR)</i>	53,37	60,70	55,18	
I	Doanh thu thuần	394,31	391,16	386,44	
II	Giá vốn	126,99	125,86	127,33	
1	Khấu hao	88,14	88,14	87,57	
2	Bảo trì, duy tu, sửa chữa, thay thế thường xuyên	7,22	6,88	7,29	
3	An toàn, PCCC, phòng chống lũ lụt	0,52	0,51	0,40	
4	Chi phí thường xuyên VP nhà máy	5,19	4,86	4,17	
5	Bảo trì công trình XD hàng năm	2,04	1,56	1,61	
6	Lương - Nhân công trực tiếp	16,39	16,39	13,92	
7	Sửa chữa lớn	3,34	3,14	8,00	
8	Chi phí khác	4,15	4,38	4,37	
III	Lợi nhuận gộp (I-II)	267,32	265,30	259,11	
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	1,8	0,92	1,20	
V	Chi phí tài chính (lãi vay)	106,72	105,27	94,10	
VI	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23,44	21,07	19,49	
	Chi phí thường xuyên Công ty	10,82	8,45	9,35	
	Lương khối quản lý	12,62	12,62	10,14	
VII	Lợi nhuận thuần (III+IV-V-VI)	138,96	139,88	146,72	
	Thu nhập khác	0,06	0,16	0,25	
	Chi phí khác	0,08	0,95	0,08	
VII	Lợi nhuận trước thuế	138,94	139,09	146,88	
VIII	Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	6,95	6,06	7,34	
	<i>(thuế suất 20%, năm 2021 dự án được giảm 75%)</i>				
IX	Lợi nhuận sau thuế VII-VIII)	131,99	133,03	139,54	
X	Cô tức	20%	20%	20%	

(Có bảng chi tiết đính kèm)

Đề xuất.

Giá trị hàng tồn kho tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2020 là 30,2 tỷ đồng, tài sản hàng tồn kho bao gồm thiết bị và vật tư mới 100% được mua dự phòng từ giai đoạn đầu tư dự án đến hết năm 2020. Dự kiến năm 2021 Công ty sẽ báo cáo HĐQT xem xét phê duyệt phương án trích

lập giảm giá hàng tồn kho sau khi khảo sát và đánh giá lại toàn bộ phẩm chất, chất lượng, tuổi thọ hàng tồn kho; Giá trị trích lập Công ty ước tính khoảng 6 tỷ đồng, như vậy nếu trong năm 2021 Công ty tiến hành trích lập giảm giá hàng tồn kho thì giá trị lợi nhuận sau thuế sẽ giảm đi tương ứng. Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của năm 2021, Công ty sẽ báo cáo HĐQT phương án trên tại thời điểm phù hợp nhất

2. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty:

Với kết quả sản xuất kinh doanh dự kiến trên, tình hình tài chính của Công ty đã đi vào ổn định và luôn đảm bảo được cân đối dòng tiền để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

- Tình hình dự kiến trả nợ gốc vay (Đvt: tỷ đồng):

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Dư nợ gốc vay đầu kỳ	Kế hoạch trả nợ gốc vay	Dư nợ gốc vay cuối kỳ	Tỷ lệ ước thực hiện (%)
1	BIDV	995,75	120,00	875,75	100%
2	Vietcombank	112,40	8,00	104,40	100%
	Cộng	1.108,15	128,00	980,15	

Tình hình dự kiến trả nợ lãi (Đvt: tỷ đồng):

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Lãi vay phải trả	Tỷ lệ ước thực hiện (%)
1	BIDV	87,48	100%
2	Vietcombank	10,06	100%
	Cộng	97,54	100%

IV. Công tác Quản lý - Điều hành - Đào tạo .

- Tiếp tục hoàn thiện các Quy trình quản lý; Đào tạo bổ sung các chứng chỉ nghề cho các cán bộ và chuyên viên; Tiếp tục bồi huấn, đào tạo nâng cao kỹ thuật chuyên sâu cho CBCN nhà máy, nâng cao công tác quản lý; Tiếp tục soạn thảo, điều chỉnh bổ sung các quy trình, hướng dẫn công tác vận hành, khắc phục sự cố, bảo trì sửa chữa...
- Thực hiện, xây dựng quy trình quản lý - Điều hành Công ty phù hợp khi có cổ đông nước ngoài tham gia.
- Công tác quản lý điều hành: đảm bảo kỷ cương kỷ luật và các nội quy, quy chế. tập trung nâng cao Năng suất - Tiến độ - Hiệu quả công việc; Cắt giảm chi phí, tối ưu lợi nhuận cho cổ đông đảm bảo sự bền vững; Đẩy mạnh sản xuất, nâng cao tiết kiệm. Sử dụng nguồn lực tối ưu, hiệu quả phục vụ công tác vận hành sản xuất.
- Áp dụng phần mềm quản lý E-COUNT thường xuyên, kịp thời và liên tục theo sự quản lý chung của toàn Tổng Công ty.
- Công tác cải tiến tối ưu sẽ được báo cáo HĐQT quyết định theo đề xuất của TTC.

Trên đây là Báo cáo thực hiện kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021. Công ty NEDI2 kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông và rất mong nhận được các ý kiến chỉ

đạo của HĐQT, ý kiến đóng góp của các Quý cổ đông để Công ty hoàn thành tốt hơn các mục tiêu đề ra.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐIỆN MIỀN BẮC 2**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ung Hồng Vận



REPORT

ON FY2020 BUSINESS RESULTS AND FY2021 BUSINESS PLAN

To: **Chairman of the Board of NEDI2**

BOM Members representing major shareholders

Distinguished guests; Representatives of capital financing banks

The shareholders of the Company

All other participants in the Annual General Meeting of Shareholders

Northern Electricity Development and Invest Joint stock Company (NEDI2) would hereby like to report to the Annual General Meeting of Shareholders the results of business performance in FY2020 and business plan for FY2021, details as:

A. FY 2020 BUSINESS PERFORMANCE

I. Operation of the Ngoi Phat Hydropower Plant

1. Hydrological conditions and factors affecting performance results:

This year, thanks to better and more favorable hydrological and weather conditions than previous years (2019 and 2015, similar to 2016-2018), the plant's performance has exceeded the planned output.

Item	FY2020 Planned output (kwh)	FY2019 Output for the same period (kwh)	FY2020 Output (kwh)	FY2020 Performance /Plan ratio
Pole-head output	424,356,381	375,140,090	456,294,000	108%
Commercial output	406,373,910	359,730,580	437,173,820	108%

2. Status of operation:

- The plant has basically met the production objective and exceeded 108% of the assigned power output; The operation is safe, reliable and continuously reaches 110% of design capacity when there is sufficient water. Mastery of technology and operation reaches 98%.

- Actual operational data in 2020: total transmission loss and self-use is 4.2% (Line loss is 3.3%, self-use 0.9%).

- The rate of electricity output participating in the power market reduced from 20% in 2019 to 10% in 2020 (according to the Decision No. 122/QD-DTĐL of the Ministry of Industry and

Trade dated December 27, 2019, hydropower projects with less-than-two-day regulated reservoirs in 2020 is to temporarily participate only 10% of the output in the power market). Also, the average electricity price in the power market in 2020 is VND 785.21/kwh (which is VND 443,75 /kwh lower than the price of VND 1,228.43 in 2019). The actual revenue of electricity market in 2020 decrease by VND 4,8 billion compared to the revenue according to the PPA price.

The reasons for the decrease in electricity market prices compared to the same period in 2019 are as follows: The electricity prices are mainly subject to the electricity price of thermal power plants (In 2020, thermal power accounts for 50% of the total mobilized capacity of the electricity system, while hydropower only accounts for 30.53% of the total capacity). Due to the Covid-19 pandemic, the price of oil and imported coal this year decreased by nearly 45% of the input cost (demand dropped sharply whereas supply increased). This leads to a decline in the electricity price of thermal power plants; Also, the amazingly favorable increase in hydrology this year (there are many solar and wind power plants participating in the market) results in an excess of electricity output mobilized throughout the system, therefore leads to a sharp decrease in electricity selling price of the power market.

3. Maintenance and repair:

- Overhaul of 02 units (H2 and H3); equipment system - 110KV line - Construction. Drainage of tunnel combined with pressure pipe connection – Improvement of transmission capacity of 110kv line (Expanded Ngoi Phat project).

- Regular and periodic maintenance, improving and gradually mastering equipment technology. Maintenance and repair achieved 75% of the plan.

4. Flood and storm prevention:

As the storm and flood are becoming more and more severe, the prevention of floods and storms was strengthened in order to secure absolute safety without any loss of people or equipment. Damages caused by natural disasters are minimized.

I. Business performance results and financial situation in FY2020

No.	Items	Unit (VND)	FY2020 Business plan	FY2019 Business performance results	FY2020 Business performance results	FY2020 Performance/Plan ratio
1	Sales of goods and service provision	Bil.	394.31	349.07	391.16	99%
2	Cost of goods sold	Bil.	126.99	111.58	125.86	99%
3	Gross profit (1-2)	Bil.	267.32	237.49	265.30	99%
4	Revenue from financial activities	Bil.	1.80	1.69	0.92	51%
5	Financial expenses	Bil.	106.72	111.27	105.27	99%
	<i>In which: Interest expenses</i>	<i>Bil.</i>	<i>106.72</i>	<i>111.18</i>	<i>104.15</i>	<i>98%</i>

No.	Items	Unit (VND)	FY2020 Business plan	FY2019 Business performance results	FY2020 Business performance results	FY2020 Performance/Plan ratio
7	Net profit from production and business activities (3 + 4-5-6)	Bil.	138.96	103.77	139.88	101%
8	Other income	Bil.	0.06	0.14	0.16	
9	Other costs	Bil.	0.08	0.11	0.95	
10	Total profit before tax (7 + 8-9)	Bil.	138.94	103.80	139.09	100%
11	Corporate income tax expense (5%)	Bil.	6.95	5.19	6.06	87%
12	Profit after tax	Bil.	131.99	98.61	133.03	101%
13	Payment to the state budget	Bil.	88	91	92.1	

In summary, the Company has achieved the profit plan for the fiscal year 2020 assigned by the General Meeting of Shareholders.

2. Evaluation of the financial situation of the Company:

First 6 months of each year often are the driest season of the year. Especially, the first quarter and the first 2 months of the second quarter is the peak of the dry season, therefore the revenue in the first 6 months of the year is basically just enough to cover expenses. The third quarter of each year is the time when the Company achieved the largest revenue and profit in the year, accounting for 75.4% of the whole year. Due to such large difference in revenue between quarters of the year of this industry, the Company always proactively sets aside financial reserves and borrows additional working capital to compensate for the shortage of cash flow at all times in order to maintain the company's continuous and stable operation as well as to ensure cash flow balance for the production and business activities, and for repayment of loan principals and interests on time for credit institutions.

- The situation of loan principal repayment (Unit: VND billion)

No.	Bank's name	Outstanding principal at the beginning of the year	Increased principal balance in the period	Principal repayment plan	Principal has been repaid	Outstanding principal at the end of the period	Remarks
	1	2	3	4	5	6=(2+3-5)	7
1	BIDV	995.75				995.75	
2	VDB	79.30		79.30	79.30		
3	Vietcombank	75.87	47.12	4.17	10.59	112.40	
	Total	1,150.92	47.12	73.47	89.89	1,108.15	

- The situation of interest payment (Unit: VND billion)

No.	Bank's name	Payable interest	Paid interest	Remarks
1	BIDV	96.59	94.04	
2	VDB	3.34	3.32	
3	Vietcombank	5.99	7.12	
4	Vietinbank	0.67	0.67	
	Total	106.59	105.15	

- The situation of cash flow at the end of the period: After the Company completes all financial obligations to all credit institutions and suppliers providing services for production and business activities in 2020, the net balance at the end of the period was VND 72.78. Thus, the cash flow is continuously kept stable for production and business activities for the next year.

III. Investment projects

1. Ngoi Phat Expansion Hydropower Project

In the first quarter of 2020 and the beginning of the second quarter of 2020, despite many difficulties, especially due to the impact of the Covid-19 pandemic (Indian experts were unable to enter Vietnam), the company has made all efforts to complete the expanded Ngoi Phat hydropower project on schedule in order to promptly receive water for power generation before the rainy season and to join for the first time in the national grid on April 25 (operating at various modes, 72-hour trial run on 7 consecutive days). On April 29, 2020, the Ngoi Phat Expansion Hydropower Plant officially generated commercial electricity with ensured quality and safety.

Currently, the Company has completed the Project Finalization report and is submitting it to the Board of Management for approval.

(Settlement value: VND 179,271,457,625 / Total estimated investment: VND 176,160,890,000)

2. Other items

At present, the Company has completed the Project Finalization reports and has put into use three items: Housing building for the staff, Upgrading and renovation of the 110kV transmission line, River-bed clearance and downstream reinforcement for the Ngoi Phat Hydropower Plant. All reports are being submitted to the Board of Management for approval.

3. The search and development of new projects

The company is continuing to research and look for new projects: Tra Khuc 2 hydropower project in Quang Ngai, Cluster of 3 hydropower projects in Thanh Hoa province and Lai Chau province, Quang Tri Wind Power project, projects in Gia Lai, etc. Despite the impact of the Covid epidemic, which cause many industries of the economy to be in serious recession, the energy sector (which is an essential industry in society) still remains stable and efficient. Thus, difficulties of other businesses after the pandemic (in terms of finance, resources, etc.) will be a good opportunity for the M&A activities of the company.

difficulties of other businesses after the pandemic (in terms of finance, resources, etc.) will be a good opportunity for the M&A activities of the company.

4. Company restructuring

- Providing documents and coordinating with VINACONEX Corporation in selling part of VINACONEX's capital to Japanese partners.
- On December 18, 2020, the Extraordinary General Meeting of Shareholders approved the restructuring of the Company with the participation of Japanese partners in the BOD and the Supervisory Board.

B. FY2021 BUSINESS PLAN

I. Core goals of the Company:

- Safe, reliable and sustainable production and operation; optimizing all production stages to ensure efficiency and improve profits for shareholders.
- Reducing and saving production and business costs, especially optimizing management costs according to the principles of Accurate - Sufficient - Honesty - Transparent – Net price in order to improve corporate value and brand.

II. Production, operation and maintenance of the Plant

1. Plan of output:

Based on hydrological situation, hydrological forecasts and actual operating costs of the Company in the past 5 years, the Company set up a plan for production and business as follows:

Item	FY2020 output	FY2021 output	Remarks
Commercial output	437,173,831	421.190.780	

2. Plan of operation and production:

- Continuing to ensure safe, stable, reliable, and optimal production and operation when having sufficient water with the operating capacity exceeding 110% of the design capacity;
- Completely mastering the technology and equipment of the factory.
- Continuing to do marketing tasks, maintaining good relations with EVN, etc.

3. Plan of Maintenance and repair:

- Continuing to overcome the shortcomings of units, especially H4 unit and optimizing technology equipment: improving equipment techniques; reducing loss and self-consumed electricity.
- Regular maintenance and restoration work: H1 unit in quarter 1 and H2 unit in quarter 4.
- Maintenance work for dams - Plant's auxiliary works before and after the rainy season.

III. Business production plan and expected cash flow in FY2021

1. Expected business performance results:

No.	Content	FY2020 plan	FY 2020 performance	FY2021 plan	Remarks
	Cash flow from electricity sales and other revenues	447.68	451.86	441,61	
	<i>Deductions (collecting or paying on behalf of other parties (PIT, FES – forest environment service fees)</i>	<i>53.37</i>	<i>60.70</i>	<i>55,18</i>	
I	Net sales	394.31	391.16	386,44	
II	Cost price	126.99	125.86	127,33	
1	Depreciation	88.14	88.14	87,57	
2	Maintenance. regular repair and replacement	7.22	6.88	7,29	
3	Safety, fire prevention, flood prevention	0.52	0.51	0,40	
4	Regular cost of factory office	5.19	4.86	4,17	
5	Annual maintenance of construction works	2.04	1.56	1,61	
6	Salary - Direct workers	16.39	16.39	13,92	
7	Overhaul	3.34	3.14	8,00	
8	Other costs	4.15	4.38	4,37	
III	Gross profit (I-II)	267.32	265.3	259,11	
IV	Revenue from financial activities	1.8	0.92	1,20	
V	Financial expense (loan interest)	106.72	105.27	94,10	
VI	Corporate management cost	23.44	21.07	19,49	
	Regular expenses of the Company	10.82	8.45	9,35	
	Salary of management team	12.62	12.62	10,14	
VII	Net profit (III + IV-V-VI)	138.96	139.88	146,72	
	Other income	0.06	0.16	0,25	
	Other costs	0.08	0.95	0,08	
VII	Profit before tax	138.94	139.09	146,88	
VIII	Corporate income tax	6.95	6.06	7,34	
	<i>(20% tax rate; In 2021, the tax of the project will be reduced by 75%)</i>				
IX	Profit after tax VII-VIII)	131.99	133.03	139,54	
X	Dividend	20%	20%	20%	

(Please see enclosed document)

Proposal:

Value of inventory as of the end of the fiscal year (31/12/2020) is VND 30.2 billion. Inventory assets including 100% new equipment and materials were purchased as contingency from the investment stage of the project until the end of 2020. It is expected that by 2021, the Company will report to the Board of Management for approval of the plan of reduction of the inventory cost after surveying and reassessing quality and life of all inventories. The value of the reduction of the inventory cost as of the Company's estimation is about VND 6 billion, therefore if in 2021 the Company makes a reduction of the inventory cost, the value of profit after tax will decrease

accordingly. Based on the actual production and business activities of 2021, the Company will report to the Board of Management the above plan at the most appropriate time.

2. Evaluation of the financial situation of the Company:

With the expected business results above, the financial situation of the Company has stabilized and always ensures a balance of cash flow to serve production and business activities, repay principal and interest on time for credit institutions.

- Estimated repayment of loan principal (Unit: VND billion):

No.	Bank's name	Outstanding principal at the beginning of the period	Principal repayment plan	Closing balance of principal at the end of the period	Estimated ratio of completion (5)
1	BIDV	995.75	120.00	875.75	100%
2	Vietcombank	112.40	8.00	104.40	100%
	Total	1,108.15	128.00	980.15	

- Estimated payment of loan interest (Unit: VND billion):

No.	Bank's name	Payable interest	Estimated ratio of completion (5)
1	BIDV	87.48	100%
2	Vietcombank	10.06	100%
	Total	97.54	100%

IV. Management - Operations - Training.

- Continuing to improve management processes; Organizing additional training of vocational certificates for staff and specialists; Continuing training and advanced technical training for factory employees; Improving management; Continuing to draft, adjust and supplement additional processes, guide the operation, troubleshoot, carry out maintenance and repair, etc.
- Building management and operation process of the Company in accordance with the new ownership structure (with foreign shareholders).
- Management and administration: ensuring discipline and compliance with rules, regulations; focusing on improving Productivity - Progress - Work efficiency; Minimizing costs, optimizing profits for shareholders and ensuring sustainability; Improving production and saving costs. Using resources optimally and effectively for production operations.
- Applying ECOUNT management software regularly, promptly and continuously under the overall management of VINACONEX Corporation.
- The optimal improvement will be reported to the Board of Directors for decision according to TTC's proposal.

NEDI2 Company would hereby like to submit to the Annual General Meeting of Shareholders the above report on the business results in 2020 and the business plan of 2021, and looks forward to BOM's direction as well as shareholders' comments in order to accomplish better the set targets.

Thanks and Best regards,

NEDI 2 JOINT STOCK COMPANY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ung Hồng Vân